DEDICA
—DEDICATED LAWYERS—

TỔNG HỢP CHÍNH SÁCH MỚI CÓ HIỆU LỰC THÁNG 9/2026
DOANH NGHIỆP CẦN LƯU Ý

HIỆU LỰC TỪ 01/9 ĐẾN 15/9/2026

Căn cứ: Nghị định số: 283/2026/NĐ-CP, 284/2026/NĐ-CP, 292/2026/NĐ-CP, 293/2026/NĐ-CP, 302/2026/NĐ-CP
Thông tư số: 110/2026/TT-BTC

Nửa đầu tháng 9/2026: 6 văn bản lần lượt có hiệu lực

01/9

Nghị định 284/2026/NĐ-CP
Xử phạt vi phạm hành chính về tài sản mã hóa
Thay đổi 8–10

05/9

Nghị định 292/2026/NĐ-CP
Hướng dẫn Luật Quản lý ngoại thương
Thay đổi 6–7

10/9

Nghị định 283/2026/NĐ-CP
Xử phạt vi phạm hành chính về lao động, bảo hiểm xã hội
Thay đổi 1–3

11/9

Nghị định 293/2026/NĐ-CP
Thực thi Công ước Apostille
Thay đổi 4–5

12/9

Thông tư 110/2026/TT-BTC
Bãi bỏ văn bản trong lĩnh vực thuế
Thay đổi 13

15/9

Nghị định 302/2026/NĐ-CP
Mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa
Thay đổi 11–12

Các hành vi trốn đóng BHXH được cụ thể hóa và quy định mức phạt tiền tương ứng

TRƯỚC ĐÂY

Hành vi vi phạm:

Trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

→ **Mức phạt:** Phạt tiền từ **50.000.000 đồng** đến **75.000.000 đồng.**

Căn cứ: *Điều 39.7.a, Điều 6.1, 6.3 NĐ 12/2022/NĐ-CP*

→

TỪ 10/9/2026

Trốn đóng BHXH được cụ thể hóa thành 3 hành vi:

- Không đăng ký hoặc đăng ký không đầy đủ số người phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc sau thời hạn 60 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Bảo hiểm xã hội.

→ **Mức phạt:** Từ **6.000.000 đồng** đến **75.000.000 đồng**, tùy vào số lượng người vi phạm.

- Đăng ký tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thấp hơn quy định tại khoản 1 Điều 31 của Luật Bảo hiểm xã hội.
- Không đóng hoặc đóng không đầy đủ số tiền đã đăng ký bảo hiểm xã hội bắt buộc sau 60 ngày kể từ ngày đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc chậm nhất quy định tại khoản 4 Điều 34 của Luật Bảo hiểm xã hội và đã được cơ quan có thẩm quyền đôn đốc theo quy định tại Điều 35 của Luật Bảo hiểm xã hội nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

→ **Mức phạt:** Phạt tiền từ **18% đến 20%** tổng số tiền trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng tối đa **không quá 75.000.000 đồng.**

Căn cứ: *Điều 44, Điều 7.1 NĐ 283/2026/NĐ-CP*

Lưu ý: Mức phạt trên áp dụng cho người sử dụng lao động là cá nhân; người sử dụng lao động là doanh nghiệp bị phạt tiền gấp 02 lần.

Xử phạt cả người lao động và người sử dụng lao động khi vi phạm quy định về đăng ký, điều chỉnh thông tin đăng ký lao động

TRƯỚC ĐÂY

Không có quy định

Căn cứ: *NĐ 12/2022/NĐ-CP*

TỪ 10/9/2026

- **Đối với người lao động:** phạt từ 1.000.000 – 2.000.000 đồng nếu không cung cấp, cung cấp không đầy đủ hoặc sai thông tin để đăng ký lao động.
- **Đối với người sử dụng lao động:** phạt hành vi không đăng ký hoặc không điều chỉnh thông tin lao động khi nộp hồ sơ bảo hiểm xã hội theo 3 bậc quy mô:
  - Từ 01 – 50 người: phạt từ 5.000.000 – 10.000.000 đồng;
  - Từ 51 – 100 người: phạt từ 10.000.000 – 15.000.000 đồng;
  - Từ 101 người trở lên: phạt từ 15.000.000 – 20.000.000 đồng.
- **Biện pháp khắc phục hậu quả:** buộc đăng ký, điều chỉnh lại đúng và đầy đủ thông tin đăng ký lao động theo quy định.

Căn cứ: *Điều 12, Điều 7.1 NĐ 283/2026/NĐ-CP*

Lưu ý: Mức phạt trên áp dụng cho người sử dụng lao động là cá nhân; người sử dụng lao động là doanh nghiệp bị phạt tiền gấp 02 lần.

Bổ sung thêm nhiều hành vi bị phạt liên quan đến giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài

TRƯỚC ĐÂY

- Không báo cáo hoặc báo cáo không đúng nội dung hoặc báo cáo không đúng thời hạn về tình hình sử dụng người lao động nước ngoài.
- Không gửi hợp đồng lao động bản gốc hoặc bản sao có chứng thực đã ký kết sau khi người lao động nước ngoài được cấp, gia hạn giấy phép lao động tới cơ quan có thẩm quyền theo yêu cầu (trường hợp làm việc theo hợp đồng lao động).

→ **Mức phạt:** Phạt tiền từ **1.000.000 đồng** đến **3.000.000 đồng.**

- Sử dụng lao động nước ngoài không đúng với nội dung ghi trên giấy phép lao động hoặc văn bản xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động.

→ **Mức phạt:** Phạt tiền từ **5.000.000 đồng** đến **10.000.000 đồng** mỗi người, tối đa **không quá 75.000.000 đồng.**

- Sử dụng lao động nước ngoài không có giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động, hoặc giấy phép, văn bản xác nhận đã hết hạn, hết hiệu lực.

→ **Mức phạt:** Từ **30.000.000 đồng** đến **75.000.000 đồng**, tùy vào số lượng người lao động vi phạm.

Căn cứ: *Điều 32, Điều 6.1 NĐ 12/2022/NĐ-CP*

→

TỪ 10/9/2026

Quy định mới giữ các mức phạt cũ và bổ sung hành vi mới:

- **Không thu hồi, không nộp lại giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động**: 5–10 triệu đồng mỗi người, tối đa 75 triệu đồng.
- **Sửa chữa, làm sai lệch hoặc dùng giấy tờ giả trong hồ sơ cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép lao động**: 40–60 triệu đồng.
- **Không thông báo, thông báo trễ với trường hợp không phải xin giấy xác nhận hoặc làm việc tại nhiều tỉnh**: 1–3 triệu đồng.

Căn cứ: *Điều 13, Điều 7.1 NĐ 283/2026/NĐ-CP*

Lưu ý: Mức phạt trên áp dụng cho người sử dụng lao động là cá nhân; người sử dụng lao động là doanh nghiệp bị phạt tiền gấp 02 lần.

Giấy tờ công có chứng nhận Apostille được dùng tại Việt Nam, không cần hợp pháp hóa lãnh sự

TRƯỚC ĐÂY

Giấy tờ, tài liệu nước ngoài phải hợp pháp hóa lãnh sự để sử dụng tại Việt Nam, trừ các trường hợp được miễn sau:

- Được miễn nếu thuộc điều ước quốc tế hoặc nguyên tắc có đi có lại.
- Được chuyển giao trực tiếp hoặc qua đường ngoại giao giữa cơ quan có thẩm quyền Việt Nam và nước ngoài.
- Được pháp luật Việt Nam quy định miễn hoặc cơ quan tiếp nhận không yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự, chứng nhận lãnh sự.

Căn cứ: *Điều 4.2, Điều 9 NĐ 111/2011/NĐ-CP*

→

TỪ 11/9/2026

Giấy tờ công có Apostille của nước thành viên Công ước có thể sử dụng tại Việt Nam, không cần hợp pháp hóa lãnh sự.

- Giấy tờ công của nước thành viên Công ước có quan hệ áp dụng với Việt Nam, đã được cấp Apostille hợp lệ thì được miễn hợp pháp hóa lãnh sự, không phải làm thêm thủ tục chứng nhận.
- Cơ quan, tổ chức tại Việt Nam không được yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự, chứng nhận lãnh sự đối với giấy tờ công đã có Apostille hợp lệ;
- Giấy tờ công có Apostille không được lập bằng tiếng Việt thì phải dịch sang tiếng Việt; bản dịch phải công chứng hoặc chứng thực, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
- Giấy tờ công đã được hợp pháp hóa lãnh sự trước 11/9/2026 vẫn tiếp tục có giá trị sử dụng, không phải chuyển sang Apostille.

Căn cứ: *Điều 25, Điều 27.1, Điều 36.2.a NĐ 293/2026/NĐ-CP*

Giấy tờ liên quan trực tiếp đến thương mại, hải quan bị từ chối kể cả khi đã được cấp chứng nhận Apostille

TRƯỚC ĐÂY

Mọi giấy tờ nước ngoài, kể cả giấy tờ thương mại, đi theo một thủ tục: hợp pháp hóa lãnh sự

- Giấy tờ, tài liệu của nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự mới được công nhận và sử dụng tại Việt Nam, trừ các trường hợp được miễn.

Căn cứ: *Điều 4.2 NĐ 111/2011/NĐ-CP*

→

TỪ 11/9/2026

Apostille không dùng được cho giấy tờ hành chính liên quan trực tiếp đến hoạt động thương mại hoặc hải quan

Điều 26.1 Nghị định 293/2026/NĐ-CP quy định:

"Giấy tờ của Quốc gia thành viên Công ước có quan hệ áp dụng với Việt Nam đã được cấp chứng nhận Apostille bị từ chối tiếp nhận tại Việt Nam trong các trường hợp sau đây: 1. Giấy tờ có chứng nhận Apostille không phải giấy tờ công theo pháp luật của quốc gia nơi giấy tờ được lập hoặc giấy tờ do viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự lập hoặc ***giấy tờ hành chính liên quan trực tiếp đến hoạt động thương mại hoặc hải quan****."*

Căn cứ: *Điều 26.1 NĐ 293/2026/NĐ-CP*

Cấm nhập khẩu hàng hóa được sản xuất bằng lao động cưỡng bức

TRƯỚC ĐÂY

Không có quy định

- Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu không có nhóm hàng này.

Căn cứ: *Phụ lục I NĐ 69/2018/NĐ-CP*

TỪ 05/9/2026

Bổ sung vào Danh mục cấm nhập khẩu, do Bộ Nội vụ quản lý

Mục 23 Phần II Phụ lục I Nghị định 292/2026/NĐ-CP quy định nhóm hàng cấm nhập khẩu:

"Các sản phẩm, hàng hóa được khai thác, sản xuất hoặc chế tạo toàn bộ hoặc một phần bởi hành vi cưỡng bức lao động từ các doanh nghiệp, quốc gia, vùng lãnh thổ phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên"

Căn cứ: *Mục 23 Phần II Phụ lục I, Điều 5.2 NĐ 292/2026/NĐ-CP*

Quyền xuất nhập khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và thương nhân nước ngoài được quy định cụ thể

TRƯỚC ĐÂY

Chỉ nêu nguyên tắc chung:

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài khi thực hiện xuất, nhập khẩu phải thực hiện các cam kết của Việt Nam trong các Điều ước quốc tế, Danh mục hàng hóa và lộ trình do Bộ Công Thương công bố, đồng thời thực hiện các quy định pháp luật.
- Hoạt động xuất, nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam, tổ chức, cá nhân khác có liên quan thuộc các nước, vùng lãnh thổ là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới và các nước có thỏa thuận song phương với Việt Nam thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Căn cứ: *Điều 3.2, Điều 3.3 NĐ 69/2018/NĐ-CP*

→

TỪ 05/9/2026

Nêu rõ phạm vi được làm:
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và chi nhánh thương nhân nước ngoài phải tuân thủ các điều ước quốc tế và danh mục và lộ trình do Bộ Công Thương ban hành.

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được:

- Tự xuất khẩu hoặc ủy thác xuất khẩu các sản phẩm do chính doanh nghiệp sản xuất.
- Tự nhập khẩu hoặc ủy thác nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và các hàng hóa khác để triển khai hoạt động đầu tư phù hợp với mục tiêu của dự án đầu tư theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

Thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam được:

- Kinh doanh trong phạm vi quyền xuất khẩu và quyền nhập khẩu theo quy định của Chính phủ.
- Mua hàng hóa để giao cho thương nhân trong nước hoặc cho thương nhân trong nước thuê, mượn để phục vụ hợp đồng gia công cho chính mình.
- Được mua hàng hóa hoặc nhận sản phẩm gia công, nguyên liệu, phụ liệu, vật tư, linh kiện, bán thành phẩm dư thừa của hợp đồng gia công và bán cho thương nhân trong nước để phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu.

Căn cứ: *Điều 3.2, Điều 3.3 NĐ 292/2026/NĐ-CP*

Hành vi giao dịch tài sản mã hóa không qua tổ chức được Bộ Tài chính cấp phép đã được quy định mức phạt cụ thể

TRƯỚC ĐÂY

Có nguyên tắc xử lý, chưa có mức phạt:

Điều 7.2 Nghị quyết 05/2025/NQ-CP quy định:

"Sau thời hạn 6 tháng kể từ khi tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa đầu tiên được cấp phép, nhà đầu tư trong nước giao dịch tài sản mã hóa không thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa do Bộ Tài chính cấp phép tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật."

Căn cứ: *Điều 7.2 NQ 05/2025/NQ-CP*

TỪ 01/9/2026

Khi vi phạm quy định về giao dịch tài sản mã hóa, nhà đầu tư trong nước sẽ bị phạt như sau:

- Đối với nhà đầu tư trong nước giao dịch tài sản mã hóa không thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa do Bộ Tài chính cấp phép: Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.
- Đối với nhà đầu tư trong nước giao dịch tài sản mã hóa được chào bán, phát hành cho nhà đầu tư nước ngoài: Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.
- Mức phạt tiền nêu trên được áp dụng đối với tổ chức. Trường hợp cá nhân có hành vi vi phạm như của tổ chức thì mức phạt tiền bằng 1/2 mức phạt tiền đối với tổ chức.

Căn cứ: *Điều 9, Điều 4.2 NĐ 284/2026/NĐ-CP*

Cung cấp dịch vụ, quảng cáo tài sản mã hóa khi chưa có giấy phép có thể bị phạt đến 200 triệu đồng

TRƯỚC ĐÂY

Có quy định nghĩa vụ, chưa có mức phạt:

Các giao dịch tài sản mã hóa phải được thực hiện thông qua các tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa do Bộ Tài chính cấp phép.

Căn cứ: *Điều 7.3 NQ 05/2025/NQ-CP*

TỪ 01/9/2026

Quy định cụ thể mức phạt tiền, hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng:

Đối với hành vi "Cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản mã hóa **khi chưa được cấp giấy phép"**:

- Bị phạt từ **180 triệu đồng đến 200 triệu đồng**, đồng thời buộc **nộp lại số lợi bất hợp pháp** và **gỡ bỏ trang thông tin điện tử, phần mềm, hệ thống giao dịch hoặc thiết bị** được sử dụng để vi phạm.
- Trường hợp tang vật, phương tiện vi phạm đã bị **tiêu thụ, tẩu tán hoặc tiêu hủy trái quy định,** doanh nghiệp phải **nộp lại khoản tiền tương** đương giá trị tang vật, phương tiện đó

Đối với hành vi "**Quảng cáo hoặc tiếp thị liên quan đến tài sản mã hóa khi chưa được cấp giấy phép**": **Bị phạt từ 180 triệu đồng đến 200 triệu đồng,** đồng thời **buộc hủy bỏ và cải chính thông tin.**

Căn cứ: *Điều 7.4, 7.5, 7.6, Điều 4 NĐ 284/2026/NĐ-CP*

Nhà đầu tư có rủi ro bị phạt nếu vi phạm quy định về tài khoản chuyên dùng trong giao dịch tài sản mã hóa

TRƯỚC ĐÂY

Có quy định nghĩa vụ, chưa có mức phạt:

Nhà đầu tư nước ngoài phải mở 01 tài khoản thanh toán **bằng Đồng Việt Nam** tại **01 ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối tại Việt Nam** để thực hiện các giao dịch **thu, chi liên quan đến mua, bán tài sản mã hóa tại Việt Nam.**

Căn cứ: *Điều 13.1 NQ 05/2025/NQ-CP*

→

TỪ 01/9/2026

Quy định hai mức phạt theo mức độ vi phạm:

- **30–50 triệu đồng:** Đối với nhà đầu tư nước ngoài vi phạm quy định về việc mở, đóng, sử dụng tài khoản thanh toán để thực hiện các giao dịch thu, chi liên quan đến mua, bán tài sản mã hóa tại Việt Nam.
- **70–100 triệu đồng:** Đối với nhà đầu tư nước ngoài không bảo đảm tính xác thực, hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ, tài liệu, thông tin, dữ liệu cung cấp cho ngân hàng được phép nơi nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản chuyên dùng; không kê khai trung thực, đầy đủ nội dung giao dịch liên quan đến mua, bán tài sản mã hóa tại Việt Nam.

Mức phạt tiền nêu trên được áp dụng đối với tổ chức. Trường hợp cá nhân có hành vi vi phạm như của tổ chức thì mức phạt tiền bằng 1/2 mức phạt tiền đối với tổ chức.

Căn cứ: *Điều 10.1, 10.2, Điều 4.2 NĐ 284/2026/NĐ-CP*

Thành lập Sở giao dịch hàng hóa: Bổ sung thêm yêu cầu đối với thành lập Sở giao dịch hàng hóa

TRƯỚC ĐÂY

Sở Giao dịch hàng hóa được thành lập nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có vốn pháp định từ 150 tỷ đồng trở lên.
- Có Điều lệ hoạt động phù hợp với quy định pháp luật.
- Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có bằng đại học trở lên, ít nhất 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh tế hoặc tài chính, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp.
- Đáp ứng các điều kiện khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Căn cứ: *Điều 8.1 NĐ 158/2006/NĐ-CP, sửa đổi bởi Điều 1.7 NĐ 51/2018/NĐ-CP*

→

TỪ 15/9/2026

Sở Giao dịch hàng hóa được thành lập nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Là doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam, trong đó tổng tỷ lệ vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 49%.
- Có vốn điều lệ từ 1.500 tỷ đồng trở lên.
- Có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu về giao dịch, thanh toán, giám sát, an ninh, bảo mật và kết nối dữ liệu.
- Có mô hình và tổ chức hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa, kèm theo giải pháp và lộ trình niêm yết hàng hóa sản xuất tại Việt Nam.
- Có dự thảo Điều lệ hoạt động phù hợp với quy định pháp luật.

Căn cứ: *Điều 5.1, 5.2, Điều 41.1 NĐ 302/2026/NĐ-CP*

Nhà đầu tư nước ngoài giao dịch qua Sở giao dịch hàng hóa: gắn với tài khoản mở tại ngân hàng ở Việt Nam

TRƯỚC ĐÂY

Nhà đầu tư nước ngoài được phép tham gia hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa với tư cách khách hàng hoặc tham gia làm thành viên của Sở Giao dịch hàng hóa (thành viên môi giới, thành viên kinh doanh) với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ không hạn chế.

Căn cứ: *Điều 16a.2.b NĐ 158/2006/NĐ-CP, bổ sung bởi NĐ 51/2018/NĐ-CP*

→

TỪ 15/9/2026

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đáp ứng điều kiện theo quy định được đăng ký làm thành viên của Sở giao dịch hàng hóa.
- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, người nước ngoài **có tài khoản mở tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam** được tham gia giao dịch mua bán hàng hoá qua Sở giao dịch hàng hoá.

Căn cứ: *Điều 18.3, 18.4 NĐ 302/2026/NĐ-CP*

Bãi bỏ toàn bộ 22 thông tư và 3 quyết định trong lĩnh vực thuế

TRƯỚC ĐÂY

22 thông tư và 3 quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính, ban hành từ năm 1991 đến năm 2019.

Căn cứ: *Điều 1 TT 110/2026/TT-BTC*

TỪ 12/9/2026

Hết hiệu lực toàn bộ:

- 22 thông tư và 3 quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính, ban hành từ năm 1991 đến năm 2019.

Một số văn bản doanh nghiệp hay tra cứu:

- ~~TT 24/2002/TT-BTC~~: nghĩa vụ thuế đối với hoạt động cho thuê tài chính.
- ~~TT 123/2004/TT-BTC~~: ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp phần mềm.
- ~~TT 215/2013/TT-BTC~~ và ~~TT 87/2018/TT-BTC~~: cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.
- ~~TT 127/2015/TT-BTC~~: cấp mã số doanh nghiệp thành lập mới, phân công cơ quan thuế quản lý.
- ~~QĐ 78/2007/QĐ-BTC~~: quy chế giải đáp vướng mắc chính sách thuế theo cơ chế một cửa.

Căn cứ: *Điều 1, Điều 2.1 TT 110/2026/TT-BTC*

Hiệu lực, văn bản bị thay thế và quy định chuyển tiếp cần lưu ý

Văn bản	Hiệu lực	Thay thế	Chuyển tiếp cần lưu ý
NĐ 284/2026/NĐ-CP	Từ 01/9/2026 đến khi NQ 05/2025/NQ-CP hết hiệu lực	Văn bản mới	Vi phạm xảy ra sau khi NQ 05/2025/NQ-CP hết hiệu lực: xử lý theo văn bản có hiệu lực tại thời điểm đó (Điều 22.1)
NĐ 292/2026/NĐ-CP	05/9/2026	NĐ 69/2018/NĐ-CP	Giấy phép đã cấp theo NĐ 69/2018/NĐ-CP tiếp tục thực hiện theo nội dung, thời hạn của giấy phép (Điều 64.1)
NĐ 283/2026/NĐ-CP	10/9/2026	NĐ 12/2022/NĐ-CP	Vi phạm bắt đầu trước 10/9/2026 nhưng vẫn đang diễn ra sau ngày này: xử lý theo NĐ 283/2026/NĐ-CP (Điều 67.2)
NĐ 293/2026/NĐ-CP	11/9/2026	Áp dụng song song NĐ 111/2011/NĐ-CP với nước không áp dụng Công ước	Giấy tờ công đã hợp pháp hóa lãnh sự trước 11/9/2026 tiếp tục có giá trị; không được yêu cầu làm thêm Apostille (Điều 36.2.a)
TT 110/2026/TT-BTC	12/9/2026	22 thông tư, 3 quyết định	Không có quy định chuyển tiếp
NĐ 302/2026/NĐ-CP	15/9/2026	NĐ 158/2006/NĐ-CP, NĐ 51/2018/NĐ-CP	Sở giao dịch đã được cấp phép có 12 tháng để đáp ứng điều kiện mới (Điều 41.1)

DEDICA
—DEDICATED LAWYERS—

Liên Hệ Với Chúng Tôi

Đội ngũ luật sư và chuyên gia pháp lý của DEDICA luôn sẵn sàng hỗ trợ. Hãy liên hệ ngay để được tư vấn và cung cấp dịch vụ pháp lý chuyên sâu.

Doanh nghiệp và Đầu tư | Tư Vấn Pháp Lý Thường Xuyên | Giải quyết tranh chấp
Hình sự/Tội phạm | Mua bán & sáp nhập (M&A) | Nhãn hiệu & Bản quyền

Địa chỉ

Tầng 11, Tòa nhà A&T, Số 171 Hai Bà Trưng,
Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại

+84 39 969 0012

Email

david@dedica-law.com

Website

www.dedica-law.com

Hãy gọi ngay cho chúng tôi hoặc để lại lời nhắn để được tư vấn.